

Số: 34/2022/QĐST-DS

Mỏ Cày Nam, ngày 21 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Cao N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đặng Huỳnh N1, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2021).

- Bị đơn: Ông Bùi Minh H, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1976; Cùng cư trú: ấp A2, xã T3, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Minh H và bà Phạm Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Cao N số tiền tổng cộng là 297.891.500 đ (Hai trăm chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng) khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 7.448.000 đ (bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) do ông Bùi Minh H và bà Phạm Thị T2 liên đới chịu.

Hoàn trả cho ông Đỗ Cao N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.448.000 đ (bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0001498 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện MCN (1b);
- Chi cục THADS H.MCN (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP (4b). TC: 9b.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kim Ngân